

Số: 803/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả khảo sát Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 13541/KH-UBND ngày 27/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc triển khai đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương thuộc tỉnh Khánh Hòa năm 2024;

Căn cứ Báo cáo ngày 20/03/2025 của Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Huế về kết quả khảo sát Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 611/TTr-STC ngày 21/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả khảo sát Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Khánh Hòa năm 2024 (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ điểm số, xếp hạng và Báo cáo thuyết minh kết quả khảo sát DDCI tỉnh Khánh Hòa năm 2024 của Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Huế, tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế tại đơn vị, địa phương mình và gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo) trước ngày 20/04/2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành

phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

(Gửi kèm Báo cáo thuyết minh kết quả khảo sát DDCI tỉnh Khánh Hòa năm 2024 của Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Huế và các Phụ lục)./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (VBĐT);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh (báo cáo);
- Các huyện, thị, thành ủy;
- Văn phòng VCCI tại Khánh Hòa;
- Đài PTTH KH, Báo Khánh Hòa (VBĐT);
- Các hội, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
(để phổ biến cho doanh nghiệp thành viên biết);
- Viện Nghiên cứu phát triển thành phố Huế;
- TTCB&CTTĐT tỉnh (VBĐT);
- Phòng KT;
- Lưu: VT, LH, NgM. *12*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân

PHỤ LỤC I

**Kết quả khảo sát Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh
cấp sở, ban, ngành tỉnh Khánh Hòa năm 2024**

*(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2025 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Số TT	Sở, ban, ngành	Điểm tổng hợp	Xếp hạng	Chỉ số thành phần cần cải thiện
1	Sở Công Thương	78.52	01/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin.
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	73.91	02/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
3	Kho bạc Nhà nước tỉnh	72.15	03/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
4	Sở Khoa học và Công nghệ	71.77	04/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
5	Sở Thông tin và Truyền thông	71.32	05/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
6	Sở Y tế	71.11	06/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	70.35	07/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
8	Cục Hải quan tỉnh	69.68	08/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chi phí thời gian; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	69.64	09/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

10	Công an tỉnh	69.37	10/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chi phí thời gian; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
11	Cục Thuế tỉnh	68.90	11/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
12	Sở Xây dựng	68.73	12/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
13	Sở Tài chính	68.71	13/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
14	Sở Du lịch	68.47	14/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	68.20	15/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
16	Sở Văn hóa và Thể thao	68.10	16/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	67.76	17/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
18	Cục Quản lý thị trường tỉnh	67.66	18/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	67.61	19/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chi phí thời gian; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.
20	Sở Giao thông Vận tải	65.62	20/20	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

PHỤ LỤC II

**Kết quả khảo sát Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh
cấp địa phương tỉnh Khánh Hòa năm 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 803/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2025 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Số TT	Cấp địa phương	Điểm tổng hợp	Xếp hạng	Chỉ số thành phần cần cải thiện
1	UBND huyện Khánh Vĩnh	72,84	1/8	Thiết chế pháp lý.
2	UBND huyện Khánh Sơn	67,97	2/8	Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Thiết chế pháp lý.
3	UBND thị xã Ninh Hòa	66,33	3/8	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chi phí thời gian; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Thiết chế pháp lý.
4	UBND thành phố Cam Ranh	65,52	4/8	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chi phí thời gian; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Thiết chế pháp lý.
5	UBND thành phố Nha Trang	64,82	5/8	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chi phí thời gian; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Thiết chế pháp lý.
6	UBND huyện Cam Lâm	64,03	6/8	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chi phí thời gian; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Thiết chế pháp lý.
7	UBND huyện Diên Khánh	62,62	7/8	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Tính năng động và tiên phong của chính quyền; Chi phí thời gian; Chi phí không chính thức; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Thiết chế pháp lý.

Số TT	Cấp địa phương	Điểm tổng hợp	Xếp hạng	Chỉ số thành phần cần cải thiện
8	UBND huyện Vạn Ninh	62,37	8/8	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; Chi phí thời gian; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; Thiết chế pháp lý.